

TÌNH CẢNH DÂN TỊ NẠN IRÁC

*Đỗ Trọng Quang**

Tháng hai năm 2006, thánh đường Hồi giáo al-Askari ở Samarra bị đánh bom đã phá tan bầu không khí yên tĩnh, làm bùng phát một làn sóng bạo lực giáo phái khắp nước. Hàng triệu người Irắc để lại nhà cửa bỏ chạy, cuộc di tản ồ ạt khiến các nhà hoạch định chính sách lo ngại vì nó khiến tình hình an ninh quốc tế mất ổn định, khi dân tị nạn có thể bị các nhóm vũ trang lôi kéo vào hàng ngũ họ.

Tháng ba năm 2008, Tổ chức Quốc tế về Di cư ước tính có 2,4 triệu người Irắc đã rời khỏi đất nước, chủ yếu sang Gioocđani và Xi Ri. Thoạt đầu, dân tị nạn được tiếp đón nồng hậu tại nơi ở mới, nhưng về sau các chính phủ chủ nhà bắt đầu lo sợ những rủi ro do cuộc khủng hoảng đó gây ra. Dân tị nạn được tiếp đón lạnh nhạt dần, hoạt động của họ bị hạn chế. Trong hoàn cảnh tuyệt vọng đó, người tị nạn có thể bị các phần tử cực đoan thao túng.

Ở Irắc, các nhóm vũ trang, như nhóm của Muqtada al-Sadr, đã lợi dụng cơ hội này, cung cấp chỗ ở và che chở cho những con người khốn khổ để lợi dụng họ. Dư luận nói rằng, các tổ chức vũ trang tăng cường tuyển mộ tân binh ở các trại mà

người chạy loạn quanh trong nước (IDP) trú ngụ, đôi khi dùng viện trợ nhân đạo đổi lấy lính mới. Kristele Younes thuộc Tổ chức Quốc tế về dân tị nạn (Refugees International) giải thích rằng, bản thân dân tị nạn ở nước ngoài và IDP không phải là mối đe dọa về an ninh, nhưng trong hoàn cảnh khốn khó, “lòng trung thành của họ có thể bị mua chuộc”. Giám đốc một tổ chức nhân quyền của Anh (Human Rights Watch) là Tom Porteous cảnh báo rằng, nếu cơn khủng hoảng này không được giải quyết thì chúng ta có thể “thấy mầm mống thế hệ tiếp theo của các phần tử khủng bố”.

Dù dân tị nạn Irắc không gia nhập các nhóm vũ trang, nhưng riêng sự có mặt họ cũng làm tình hình chính trị căng thẳng thêm. Các thủ lĩnh cực đoan đã dùng dân tị nạn vào cuộc xung đột bè phái. Về cơ bản, các phần tử vũ trang coi dân tị nạn Irắc chỉ là quân tốt đen và là con bài để họ mặc cả với chính phủ Irắc. Cuộc khủng hoảng về tị nạn càng làm chính phủ của Thủ tướng Nouri al-Maliki mất tín nhiệm khi nó xác nhận sự bất lực của chính quyền trong việc duy trì trật tự và luật pháp. Là một nhóm người tập trung và dễ tổn thương, dân tị nạn có thể trở thành mục tiêu của bọn khủng bố. Mặc dầu họ bỏ

* Nguyên cán bộ Viện Thông tin Khoa học Xã hội

nhà cửa để trốn tránh cuộc xung đột, dân tị nạn vẫn thấy nơi ở mới của mình còn nguy hiểm hơn. Các vụ khủng bố có thể làm tăng số dân tị nạn và bạo lực bè phái.

Làn sóng tị nạn còn làm trầm trọng thêm nguy cơ xung đột lan qua biên giới quốc tế. Trong một số trường hợp, dân tị nạn được vũ trang có thể dẫn tới chiến tranh giữa hai nước và mất ổn định khu vực. Các chính phủ Gioocdani và Xi Ri sợ cuộc khủng hoảng về tị nạn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm có liên quan với al-Qaeda. Các tổ chức vũ trang Irắc, kể cả người Sunni lẫn người Shi-ai, đều có văn phòng ở nơi lưu vong, có thể cung cấp trạm dừng chân cho hoạt động vũ trang tương lai chống các chính phủ thế tục ở Trung Đông và có lẽ cả các nước phương Tây.

Lịch sử người Palestín cho thấy mối nguy hiểm của cuộc khủng hoảng kéo dài về dân tị nạn. Liên hợp quốc hiện nay công nhận có gần bốn triệu người Palestín tị nạn, trong đó một số là con cháu dân tị nạn năm 1948. Qua mấy thập kỷ, người tị nạn nghèo khổ quy tụ thành một nhà nước lưu vong có tổ chức cao. Vì thế nước Gioocdani, chỉ có 5,7 triệu dân (hơn một nửa là người Palestín tị nạn), coi dân Irắc tị nạn là một mối đe dọa.

Bốn chính sách cần được đề ra để ngăn cản việc vũ trang đại quy mô dân Irắc tị nạn. *Thứ nhất*, quốc tế phải viện trợ nhân đạo ồ ạt. *Thứ hai*, các nước chủ nhà và chính phủ Irắc không nên dựng trại để chứa dân tị nạn. *Thứ ba*, mặc dù có những khó khăn do sự có mặt người tị nạn gây ra, nhưng không nên xua họ về nước trái với ý họ. Nếu dân tị nạn hồi hương tự nguyện, thì phải bảo đảm rằng người trở về có thể đòi lại tài sản hoặc nhận được đền bù thích đáng cho các mất mát của họ. *Cuối cùng*, các nước phương Tây, nhất là Mỹ, cần mở rộng và xúc tiến quá trình tái định cư.

Trong nhiều cuộc khủng hoảng về tị nạn, các nước đã viện trợ nhân đạo để tránh dính líu chính trị trong khi có vẻ "làm một cái gì đó". Tuy nhiên ở trường hợp Irắc, viện trợ nhân đạo thật sự đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm nhẹ nguy cơ tiềm tàng về an ninh. Dân tị nạn chủ yếu quan tâm đến lương thực, chỗ ở, chăm sóc y tế, và giáo dục. Vì thế, đáp ứng các nhu cầu này sẽ giảm bớt ảnh hưởng của các nhóm vũ trang và làm yên lòng nước chủ nhà.

Khi khủng hoảng kéo dài, các nước chủ nhà nghĩ đến việc cho dân tị nạn trú ngụ trong các trại hoặc thậm chí trục xuất họ. Các trại thường cách ly và làm nghèo khổ dân tị nạn, biến họ thành mục tiêu khủng bố và có thể bị tuyển mộ vào nhóm vũ trang. Bắt buộc họ trở về Irắc, hay trục xuất họ khỏi nơi trú ngụ ở Irắc, sẽ làm tăng số người chết vì thiếu dinh dưỡng và bệnh tật, và có thể gây thêm bạo lực bè phái.

Muốn giải quyết lâu dài cuộc khủng hoảng tị nạn thì tình hình chính trị tại Irắc phải ổn định, tạo điều kiện cho việc trở về được yên ổn. Tình hình an ninh sau khi đợt xung đột quân sự tại Baghdad chấm dứt đã khuyến khích chừng 60.000 người tị nạn trở về cuối năm 2007. Tuy đây chỉ là một phân số nhỏ dân tị nạn, nhưng chính phủ Irắc coi đó là bằng chứng về tình thế ngày càng ổn định. Nhưng quá trình trở về quá sớm có lẽ là nguy cơ lớn nhất cho sự yên tĩnh mới ở Baghdad. Chính phủ chưa có một kế hoạch rộng lớn để giải quyết các vụ tranh chấp tài sản, bảo vệ người trở về các khu vực thiểu số, và cung cấp dịch vụ cần thiết. Quá trình trở về không có tổ chức đó có thể gây ra thù hận, và đã khiến số dân tị nạn tăng nhiều. Mức độ tị nạn cao có thể lại châm ngòi cho bạo lực bè phái khiến những người này rời bỏ nhà cửa.

Tình hình bất ổn định tiếp diễn ở Irắc có thể ngăn cản việc giải quyết nhanh vụ khủng hoảng về tị nạn. Người tị nạn bị các

nước láng giềng ngăn cản không cho vào, chẳng biết đi đâu. Nếu hàng triệu dân Irắc vẫn nghèo khổ và không thể trở về nhà, thì cuối cùng cuộc khủng hoảng chẳng những khiến Irắc mà còn làm cả khu vực mất ổn định.

Giống như dân Irắc, hàng triệu người khắp thế giới đã rời bỏ nhà cửa để tránh bạo lực. Năm 2006, Cao ủy Liên hợp quốc về Người tị nạn báo cáo có tổng cộng 9,8 triệu dân tị nạn ở nước ngoài và 12,8 triệu IDP. Trái với mong đợi của họ, nhiều người vẫn bị đe dọa về an ninh tại nơi ở mới. Trong một số trường hợp, tị nạn bắt buộc là một chiến lược chiến tranh. Các nhóm chính trị và vũ trang có thể lợi dụng khủng hoảng bằng cách thao túng dân tị nạn, làm cho họ sợ hãi và coi họ như một con bài để mặc cả.

Khủng hoảng về tị nạn có nguy cơ làm cho xung đột lan rộng qua biên giới. Trong một số trường hợp, dân tị nạn được vũ trang và đối với các nhóm nổi dậy, người tị nạn được sử dụng như một lá chắn chống tấn công, một nguồn cung cấp tân binh, những nguồn lương thực và thuốc men quý giá. Trại tị nạn có thể là căn cứ hậu phương để quân nổi dậy tấn công qua biên giới. Khi các cuộc tấn công qua biên giới leo thang, thì nguy cơ chiến tranh quốc tế tăng lên. Cuối cùng, tình hình bất ổn định khắp khu vực có thể xảy ra khi nhiều nước bị lôi kéo vào xung đột.

Từ tháng ba năm 2008, Tổ chức Quốc tế về Di cư ước tính có 2,4 triệu người Irắc vượt qua biên giới quốc tế, bao gồm khoảng 500.000 người sang Gioocđani và từ 1,2 triệu người đến 1,4 triệu người chạy vào Xi Ri. Các nước tiếp nhận người tị nạn là Ai Cập, Iran, Libăng, và Thổ Nhĩ Kỳ. Hơn 80% dân tị nạn là người Baghdad, một nửa là dân theo giáo phái Sunni và 25% là người Shi-ai. Tại Irắc, có 2,7 triệu IDP, một triệu chạy trốn sau khi thánh đường al-Askari bị đánh bom tháng hai năm 2006. Đa số người tị nạn Irắc, thuộc

đủ các tôn giáo, nói rằng họ chạy trốn là do bị ngược đãi.

Thống kê tháng ba năm 2008 nêu số dân tị nạn dưới thời Saddam Hussein. Trước năm 2003, có hai dòng người tị nạn chính chạy khỏi Irắc. Những dòng tị nạn này diễn ra trước và sau cuộc chiến tranh giữa Iran và Irắc và sau cuộc chiến tranh vùng Vịnh năm 1991. Lúc Mỹ tấn công Irắc năm 2003, từ một đến hai triệu người sống ngoài nước Irắc, kể cả 300.000 người đã hưởng quy chế tị nạn. Phần lớn các nước chủ nhà không cho dân Irắc hưởng quy chế tị nạn, trừ Iran (chứa 200.000 người). Từ năm 2003 đến 2006, hơn 300.000 người Irắc trở về nhà, chủ yếu từ Iran.

Từ năm 2003, còn khoảng một triệu người Irắc đã chạy quanh trong nước dưới thời Saddam Hussein. 800.000 IDP người Cuốc ở miền bắc Dohul, Erbil, và Sulaymaniyah chủ yếu do chương trình Arập hóa và chiến dịch Anfal của Saddam Hussein cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990. Arập hóa đã khiến hàng trăm nghìn người Cuốc bị trục xuất khỏi các vùng giàu dầu lửa ở miền bắc Irắc đến những nơi gọi là khu định cư tập thể. Trong chiến dịch diệt chủng Anfal, chính quyền Saddam đã giết 150.000-200.000 người Cuốc và khiến rất nhiều người phải đi tị nạn. Những IDP khác ở miền bắc bỏ nhà cửa để chạy trốn người Cuốc đánh lẫn nhau giữa các chính đảng đối địch. Sự ngược đãi người Shi-ai buộc 100.000 dân Irắc chạy khỏi vùng đầm lầy phía nam. Từ năm 2006, thêm 200.000 IDP đến các tỉnh miền bắc.

Đặc biệt nguy hại cho xã hội Irắc là cuộc chạy trốn ô ạt của các nhà chuyên môn từ lúc Mỹ tấn công năm 2003. Lúc đầu cuộc khủng hoảng, những người đầu tiên rời khỏi Irắc là người có đủ phương tiện sinh sống để tồn tại ở nước ngoài. Các mối đe dọa nhằm vào các nhà chuyên môn đã gây ra vụ "chảy máu chất xám". Hội Y học Irắc báo cáo rằng 50% số bác sĩ đã rời

khỏi nước này. Một công trình nghiên cứu của cơ quan Oxfam/NCCI (Ủy ban Phối hợp các tổ chức phi chính phủ) cho biết ít nhất 40% các nhà chuyên môn Irắc đã rời đất nước từ năm 2003. Hơn 230 giáo sư đại học bị ám sát, và 3.000 người rời bỏ đất nước từ năm 2003. Năm 2007, hiệu trưởng ba trường đại học lớn ở Baghdad nói rằng số thầy giáo giảm 80%.

Hầu hết dân Irắc mới tị nạn gần đây, cả người Sunni lẫn Shi-ai, đều nói về các kiểu hành hạ khiến họ phải bỏ nhà cửa, như giết, tra tấn, bắt cóc một người trong gia đình; những cách đe dọa cá nhân như nhấn lảng giềng cảnh cáo, gửi thư dọa nạt, gọi điện thoại (thí dụ một lá thư viết: "Chúng tôi cho các người 48 tiếng để đi khỏi đây... Nên nhớ rằng chỉ có 48 tiếng từ lúc các người nhận được thư này, rồi sau đây là chết". Những dòng chữ trên tường, như "Sau hôm nay không có người Shi-ai nào", viết nguệch ngoạc ở những vùng đông người Sunni, những tin đồn về bạo lực sắp xảy ra, mối lo sợ bị nhóm đa số tấn công ở khu vực ở lẫn lộn; và bạo lực chống thủ lĩnh của cộng đồng. Những điều đó khiến người tị nạn tin rằng họ sẽ chẳng bao giờ về nhà.

Trong một cuộc khủng hoảng, dân tị nạn trú ngụ trong những lều rách nát tại nơi xa xôi không ở được, sống bằng viện trợ nhân đạo ít ỏi. Không giống hầu hết các nhóm tị nạn, đa số người Irắc tụ họp tại các trung tâm đô thị chứ không phải trong các trại. Gioocdan và Xi Ri không xây dựng trại cho dân Irắc, một phần vì cả hai nước đều không cho họ hưởng quy chế tị nạn. Trong nước Irắc, chưa đến một phần trăm IDP sống ở các trại. Hầu hết sống chen chúc với gia đình hay bạn bè hoặc trong các nhà bỏ không.

Khủng hoảng về tị nạn vừa là kết quả vừa là nguyên nhân của bạo lực. Khi bạo lực giáo phái sinh ra vấn đề tị nạn, sự chia rẽ bè phái có thể khiến bạo lực và tị nạn tăng thêm nữa. Người tị nạn và IDP Irắc

thường nghèo khổ khi đến nơi ở mới. Tại các khu vực không yên ổn, thị trường bất động sản sụt giá, khiến người tị nạn không bán được nhà. Trái lại, ở những vùng yên ổn hơn giá cả lại tăng vọt, vượt ra ngoài tầm với của nhiều người Irắc muốn có nhà ở. Trong một số trường hợp, các tổ chức bè phái lấy ngôi nhà mà một gia đình thuộc giáo phái này bỏ đi đem cho những gia đình mới đến thuộc giáo phái khác. Giống như ở Balkans, tình trạng này tạo ra một hiệu ứng domino có thể làm phức tạp sự trở về của người tị nạn hay IDP. Ở Bôxnia, nhiều dân tị nạn định trở về sau khi chiến tranh kết thúc đã thấy các gia đình thuộc sắc tộc khác chiếm nhà mình. Những gia đình chiếm dụng này không chịu đi, nói rằng nhà họ đã bị chiếm từ lâu.

Về lý thuyết, Bộ Thương mại cùng Bộ Tị nạn và Di cư Irắc chịu trách nhiệm về vấn đề tị nạn, nhưng trong thực tế, rất ít IDP nhận được sự giúp đỡ của chính phủ. Chính quyền luôn luôn coi nhẹ cuộc khủng hoảng để che giấu sự bất lực của mình trong việc giải quyết vấn đề. Trong cuốn sách "Không trở về" (No Going Back), Nir Rosen nói rằng: "Chính phủ Irắc không thừa nhận quy mô của bạo lực và tị nạn, muốn coi vấn đề là nhỏ và tạm thời".

Khủng hoảng về IDP làm trầm trọng thêm tình hình thiếu lương thực ở các vùng chịu tác động nặng nhất. Về khâu phần lương thực, phần lớn dân Irắc trông cậy ở Hệ thống Phân phối Công cộng, một trong vài chương trình của chính phủ từ thời kỳ Saddam Hussein còn hoạt động. Do dân chúng di chuyển ồ ạt, hệ thống này xuống cấp nhanh chóng, không đến 50% IDP nhận được khẩu phần. Muốn tiếp cận được với Hệ thống Phân phối Công cộng, IDP phải đăng ký tại nơi ở mới và phải trình bày bằng chứng về tị nạn. Nhà cầm quyền hàng tỉnh dùng cách gây khó khăn này để cản IDP tràn vào nước mình.

Một tổ chức phi chính phủ của Anh là Ockenden International báo cáo rằng “ở ba khu vực họ hoạt động, IDP chiếm 61% dân số, người tị nạn trở về là 16% dân chúng chủ nhà 23%”. Khi khủng hoảng kéo dài, công dân ngày càng coi chính phủ Irắc là bất lực.

Chính phủ không giải quyết được cơn khủng hoảng về tị nạn đã tạo cơ hội cho các nhóm vũ trang tăng cường ảnh hưởng bằng cách phân phối đồ cứu trợ. Thí dụ, Muqtada al-Sadr mở văn phòng khắp Irắc (kể cả chín văn phòng ở Baghdad). Theo kiểu mẫu của Hezbollah ở Libăng và Hamas tại dải Gaza, nhóm Muqtada al-Sadr cung cấp dịch vụ xã hội và viện trợ nhân đạo cho người Shi-ai, cũng như cho dân binh bảo vệ. Các văn phòng al-Sadr phân phối viện trợ cho IDP ở các trại bản thủ mà Hội Lũy liềm đỏ Irắc dựng lên. Sách lược này chắc chắn được nhiều người dân tuyệt vọng biết ơn, nhưng cũng phá hoại thêm uy tín của chính phủ Irắc. Vai trò mở rộng của các nhóm vũ trang có thể lôi cuốn thêm nhiều IDP vào hàng ngũ họ. Bằng chứng cho thấy cả số người tự nguyện lẫn không tự nguyện gia nhập tổ chức vũ trang tăng lên trong dân tị nạn.

Như đã nói trên, nguy cơ vũ trang dân tị nạn bao gồm cả bạo lực chính trị lan qua biên giới, va chạm giữa dân tị nạn với nước chủ nhà, và xung đột giữa nước chủ nhà với nước xuất phát của dân tị nạn. Trong hoàn cảnh cực kỳ gay go, vũ trang có thể đưa tới chiến tranh quốc tế và bất ổn định khu vực. Cho tới hiện giờ, xung đột phe phái đại quy mô chưa xuất hiện giữa những người tị nạn. Nhiều dân tị nạn nói rằng họ chạy trốn bạo lực và không muốn tái diễn bạo lực ở nơi lưu vong. Một số người nói rằng mối đe dọa của xung đột bè phái đã theo chân họ qua biên giới. Thí dụ, theo lời một người kể lại, thì anh ta nhận được năm 2006 một cú điện thoại nói rằng: “Chúng tao đã giết anh mày và tiếp theo là mày. Dù mày đi đến nước nào,

chúng tao cũng sẽ tìm được mày”. Còn những thư nhắn đe dọa khác cũng được gửi từ Irắc đến người tị nạn ở Gioocđani và Xi Ri.

Các chính phủ Gioocđani và Xi Ri nói rõ là họ sẽ trừng trị nghiêm khắc bất cứ hành động quân sự nào của dân tị nạn. Elizabeth Ferris, trong cuốn sách “An ninh, tị nạn, và Irắc” viết rằng lúc phản ứng với dân tị nạn Irắc, “người ta chịu ảnh hưởng sâu sắc kinh nghiệm của khu vực đối với người tị nạn Palestín trong 59 năm qua”. Những nước tiếp nhận dân tị nạn, nhất là Gioocđani và Xi Ri, sợ rằng dân Irắc tị nạn “không thể trở về nhà, tiêu hết tiền dành dụm, mang theo nỗi hận thù phe phái, và nhiều người có kinh nghiệm quân sự, có thể gây mất ổn định cho nhiều nơi trong khu vực”. Thêm vào đó, nước chủ nhà lo lắng về gánh nặng kinh tế to lớn mà cuộc khủng hoảng gây ra sẽ làm bùng phát bạo lực giữa dân địa phương với người tị nạn.

Ở Gioocđani, sự biến đổi dân số do người Irắc tràn vào đã làm trầm trọng thêm tình hình căng thẳng trong nước. Ferris cảnh báo rằng, “khả năng náo loạn hoặc thậm chí nội chiến tại Gioocđani khá lớn nếu sự có mặt người Irắc kéo dài hay nếu người Irắc thách thức chủ quyền hoặc sự toàn vẹn lãnh thổ của nước này”. Gioocđani không ký Công ước Liên hợp quốc về Người tị nạn năm 1951, nên nước đó không buộc phải tuân thủ quy định của công ước. Vì chính phủ coi người Irắc là dân nước ngoài bất hợp pháp chứ không phải người tị nạn, nên dân Irắc luôn luôn có nguy cơ bị trục xuất. Tháng hai năm 2008, Gioocđani hạn chế thị thực nhập cảnh, yêu cầu người Irắc phải xin thị thực ở Irắc chứ không phải tại biên giới Gioocđani. Ngoài ra, quan chức ở biên giới không cho phép đàn ông từ 18 đến 35 tuổi vào nước họ, và nghe nói đã đuổi trở lại nhiều người Irắc muốn tị nạn. 68% dân tị nạn là người theo giáo phái Sunni.

Thoạt đầu, Xi Ri đón tiếp người Irắc nông hậu hơn Gioocdani. Mặc dù Xi Ri không ký Công ước về Người tị nạn năm 1951, chính phủ vẫn mở cửa cho dân Irắc và cho phép họ hưởng chương trình xã hội của nhà nước. Tuy nhiên, Xi Ri đã đóng cửa biên giới hồi cuối năm 2007 để chống lại sức ép kinh tế và xã hội ngày càng tăng. Chính phủ Xi Ri bắt đầu cấp thị thực một tháng (có thể gia hạn thêm hai tháng), người Irắc phải trở về nước xin một thị thực khác nếu muốn ở lại Xi Ri. Những hạn chế này làm xấu thêm tình hình của dân Irắc tại Xi Ri và chắc chắn sẽ làm tăng số IDP ở Irắc.

Những tổn hại mà cuộc khủng hoảng về tị nạn gây ra đã phá hoại nền kinh tế Xi Ri. Nền kinh tế bị tổn thương này làm tăng nỗi oán hận của dân địa phương đối với người Irắc và sự bất mãn với chính phủ. Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Xi Ri khẳng định rằng “giá sinh hoạt đã tăng nhiều... Giá thực phẩm và hàng hóa cơ bản tăng 30%, giá bất động sản tăng 40% và tiền thuê nhà tăng 150%”. Tỷ lệ tội phạm cũng tăng. Hơn nữa, người tị nạn vẫn còn quyền hưởng khẩu phần lương thực tại Irắc. Một số người thân trong gia đình có thể nhận khẩu phần và thuê lái xe chở sang Xi Ri.

Sự tập trung dân tị nạn về mặt địa lý cũng góp phần vào bạo lực. Ở Xi Ri và Gioocdani, dân tị nạn tập trung thành các khu vực Irắc lưu vong. Những khu vực này cung cấp lương thực cho dân Irắc, giúp họ mở cửa hàng, nhận tiền chuyển, và có những dịch vụ khác phục vụ dân tị nạn. ở thủ đô Đamat, người Irắc lấy tên nơi ở cũ tại quê mình đặt cho khu vực họ. Tại Gioocdani, người tị nạn tụ tập ở khu vực Zarqa, thường gọi là “một ổ của xu hướng cực đoan”. Cho tới giờ, những khu vực này đã tránh bạo lực giáo phái, nhưng tình hình có thể thay đổi dễ dàng nếu các nhóm cực đoan tăng cường ảnh hưởng trong những người lưu vong.

Giống như người tị nạn ở nước ngoài, dân chạy quanh trong nước ở ạt có thể kích thích bạo lực tại những vùng trước kia ổn định ở Irắc. Tất nhiên nạn nhân bị ngược đãi chạy tới các khu vực có vẻ an toàn hơn và ổn định hơn. Thí dụ, các khu vực Dohuk, Erbil, và Sulaymaniyah ở miền bắc vẫn tương đối yên ổn cho tới nay. Vì yên ổn nên các vùng người Cuộc tiếp nhận khoảng 200.000 IDP từ miền nam đến. Dân số Arập tăng nhanh chóng này làm hại kế hoạch của người Cuộc muốn lập một vùng Cuộc tự trị nên vì thế, đáng lẽ đến một nơi an náu an toàn, thì IDP lại không được hoan nghênh, bị thất nghiệp, và rất cần những thứ cần thiết cơ bản. Chính quyền địa phương bức tức dọa đóng cửa biên giới đối với những IDP đến thêm, khiến một số người dòng đảo chẳng biết đi đâu.

Tại Irắc, nhân viên NGOs (tổ chức phi chính phủ) nhân đạo phải đối mặt với những mối đe dọa về an ninh đã ngăn cản họ giúp đỡ dân tị nạn. Những tổ chức này, đã làm việc có kết quả và công khai ở hầu hết các vùng xung đột khốc liệt nhất thế giới, bây giờ không thể hoạt động ở Irắc. Trong hầu hết các các vụ xung đột, NGOs nhân đạo công khai tham gia vận động quyên góp tiền, nhưng ở Irắc thì trái lại, nhân viên cứu trợ cộng tác với NGOs quốc tế không dám nói hàng cứu trợ được mang từ đâu tới và họ cộng tác với ai, cũng chẳng cung cấp thông tin về chương trình của mình. Từ khi Mỹ tấn công Irắc, 94 nhân viên cứu trợ Irắc và quốc tế đã bị giết.

Nhân viên NGOs và Liên hợp quốc sống trong tình trạng nguy hiểm đến nỗi hầu như chẳng ai ở lại Irắc. Một vài tổ chức tuy có mặt ở các khu vực miền trung và miền nam, nhưng thậm chí tại đây, nhân viên quốc tế chỉ đến thăm chốc lát để kiểm tra người của họ làm việc ở địa phương. Phần lớn các NGOs tìm cách điều hành hoạt động của họ từ xa. Cuối năm 2007, Cao ủy Liên hợp quốc về Người tị nạn

(UNHCR) có một nhân viên quốc tế ở miền bắc và một nhân viên tại Baghdad. Tháng hai năm 2008, tổ chức này tăng số nhân viên quốc tế ở Baghdad lên năm người.

Trong nước, Hội Lũy liềm đỏ Irắc (IRCS) là nhóm duy nhất có mặt khắp nơi và có một chiều hướng tương đối trung lập, nhưng điều đó cũng chẳng giúp tổ chức này tránh khỏi bạo lực. Các phần tử vũ trang nhiều lần tấn công các đoàn xe IRCS, và bắt cóc nhân viên của họ ở các văn phòng đặt tại Baghdad. Lúc xung đột giáo phái tiếp diễn, một số nhà quan sát nói rằng IRCS thiên vị người Shi-ai hơn dân Sunni, nhưng nhiều tổ chức cứu trợ quan tâm giữ thái độ trung lập và muốn hợp tác với các cơ quan khác.

Dù tương đối an toàn ở Gioocđani và Xi Ri, cơ quan cứu trợ vẫn phải đối phó với nhiều trở lực ngăn cản họ hoạt động. Vì không có vị thế hợp pháp ở Gioocđani, nên nhiều người tị nạn phải trốn tránh vì sợ bị trục xuất, một số người Irắc không dám liều ra phố. Rõ ràng điều này làm phức tạp nỗ lực cứu trợ nhân đạo.

Xi Ri cũng cảnh giác với NGOs quốc tế và các cơ quan Liên hợp quốc. Chính phủ yêu cầu NGOs hoạt động dưới sự giám sát của Hội Lũy liềm đỏ Xi Ri, về thực chất có nghĩa là dưới quyền kiểm soát của chính phủ. UNHCR chỉ được phép giúp đỡ những người Irắc đã đăng ký với UNHCR. Sau khi đăng ký, dân tị nạn được che chở tạm thời và được quyền nhận cứu trợ của Hội Lũy liềm đỏ Xi Ri, nhưng chẳng có nhiều người đăng ký với UNHCR. Từ tháng tư năm 2007, chỉ có 77.000 người tị nạn đăng ký (trong tổng số 1,2 triệu). Tháng năm năm 2008, tiền tài trợ tăng thêm cho phép UNHCR đăng ký cả thảy 194.273 người tị nạn ở Xi Ri.

Mặc dù điều kiện hoạt động khó khăn, các tổ chức nhân đạo đã tìm cách phối hợp nỗ lực để đáp ứng nhu cầu của dân tị nạn. Một nỗ lực đó là Ủy ban Phối hợp NGOs

tại Irắc, đặt cơ sở ở Amman. đại diện chừng 300 NGOs địa phương và quốc tế. Nhiều tổ chức quốc tế thấy nên cộng tác với các NGOs địa phương, những tổ chức có thể hoạt động dễ dàng và kín đáo hơn. Trong tất cả các tổ chức, thì thánh đường và cơ quan tôn giáo địa phương gặp ít vấn đề an ninh nhất khi họ tiến hành hoạt động nhân đạo.

Hàng triệu người Irắc càng không có khả năng trở về nhà, thì dân tị nạn càng có thể dính líu vào bạo lực chính trị. Trong các vụ xung đột trước kia, như ở Apganixtan những năm 1980 và Ruanda những năm giữa 1990, những người giải hòa đã sai lầm lúc giữ thái độ chờ xem và tránh giải quyết các cuộc khủng hoảng về tị nạn cho tới khi có một giải pháp hòa bình. Trong nhiều năm lưu vong, các tổ chức mujahideen Apganixtan đã tổ chức dân tị nạn thành một nhà nước lưu vong, phát động thành công một cuộc nổi dậy từ các căn cứ của họ ở Pakixtan. Sau những vụ đổ máu tại Ruanda, các phần tử vũ trang Hutu thành lập một nhà nước lưu vong của dân tị nạn Hutu tại Zaia. Đáng lẽ tan rã theo thời gian, nhà nước lưu vong lại mạnh lên, cuối cùng gây ra một cuộc chiến tranh giữa Zaia và Ruanda.

Những bài học rút từ các cuộc khủng hoảng trước kia khiến ta càng thấy cần phải chú ý đến vấn đề tị nạn trong khi tình hình chưa ổn định. Nếu nhanh chóng ổn định được các vùng bạo lực ở Irắc thì sẽ ngăn cản được những cuộc di dân tiếp theo, thậm chí làm cho việc trở về được dễ dàng. Thí dụ, sau các hoạt động quân sự của Mỹ, một số IDP mau chóng trở về Ramadi ở tỉnh Anbar.

Trong tương lai trước mắt, các nước viện trợ nên đáp ứng nhu cầu cơ bản của dân Irắc tị nạn, bao gồm nước sạch, vệ sinh, y tế, lương thực và nơi ở. Một vấn đề cấp thiết nữa là giáo dục trẻ em tị nạn. Để dân địa phương khỏi oán trách, thì cả họ lẫn dân tị nạn đều phải được lợi ở sự trợ

giúp. Bước đầu, đáp ứng nhu cầu cơ bản sẽ có tác động trực tiếp trong việc giải quyết khủng hoảng. Các nước viện trợ, đặc biệt Mỹ, nên gửi tiền theo hai hướng, viện trợ song phương cho các nước chịu tác động của khủng hoảng và đóng góp cho các tổ chức quốc tế.

Quan hệ thù địch của Mỹ với Xi Ri rõ ràng ngăn cản khả năng nước Mỹ viện trợ song phương. Một giải pháp mà Mỹ có thể thực hiện là viện trợ hào hiệp cho Gioocdani và các nước chứa dân tị nạn khác, trong khi khuyến khích Liên minh châu Âu ủng hộ Xi Ri. Một số vướng mắc đã từng nảy ra, chính phủ Xi Ri mới đầu từ chối cấp thị thực nhập cảnh cho những quan chức Mỹ đến giải quyết các trường hợp tái định cư. Đồng thời, cuộc khủng hoảng về tị nạn có thể khiến nền kinh tế Xi Ri bị hủy hoại và làm tình hình căng thẳng hơn. Vì vậy, các nước viện trợ nên đề nghị tạo điều kiện cho tổ chức nhân đạo hoạt động độc lập hơn.

Không giống Gioocdani và Xi Ri, chính phủ Irắc với ngân sách dư dật có thể giải quyết cuộc khủng hoảng về tị nạn, nhưng chính quyền trung ương không có khả năng chi khoản tiền này. Trước khi tài trợ thêm, Mỹ cần bảo đảm chắc chắn rằng chính phủ Irắc đã sử dụng số tiền hiện nay một cách hiệu quả và không thiên vị. Như vậy, cần phải giúp chính phủ Irắc tăng cường những thể chế chịu trách nhiệm giải quyết vấn đề tị nạn và tái thiết.

Ngoài viện trợ song phương, các nước hảo tâm nên chú ý đầy đủ tới lời kêu gọi của các cơ quan Liên hợp quốc, như UNHCR, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, và Chương trình Lương thực Thế giới (WFP). Dân tị nạn ồ ạt ra đi sau tháng hai năm 2006 khiến các tổ chức viện trợ ngạc nhiên, nhưng các nước hảo tâm đã rất chậm chạp trong việc đáp lại lời kêu gọi khẩn thiết yêu cầu tài trợ. Hầu hết công việc cứu trợ nhân đạo rất thiếu tiền để thực hiện. Thí dụ, Gioocdani và Xi Ri đồng

ý cho trẻ em Irắc đến trường học, nhưng tiện nghi thiếu thốn có nghĩa là chỉ một số ít trẻ em được đi học. Các cơ quan Liên hợp quốc hy vọng xây thêm trường cho cả trẻ em tị nạn lẫn trẻ em địa phương, nhưng họ yêu cầu phải được chi thêm tiền để làm việc đó.

Một chương trình nữa là sáng kiến của UNHCR, cấp 4.000 thẻ ATM cho các bà chủ gia đình Irắc cùng khổ. Dự án này đòi hỏi phải có mỗi tháng 1,5 triệu USD. Đặc biệt Mỹ có trách nhiệm tăng phần đóng góp của mình từ 25 lên 30%, nhưng Liên minh châu Âu, mặc dù bất bình với chính sách của Mỹ tại Irắc, cũng nên tăng vai trò mình trong việc viện trợ nhân đạo và tái thiết.

Không giống hầu hết các dân tị nạn, người lưu vong Irắc không ở trong các trại do Liên hợp quốc quản lý, mà tạm thời sinh sống tại các khu đô thị. Một số nhà cầm quyền tỉnh đề nghị dựng trại cho IDP tại ngoại ô một số thành phố. Những nhà quan sát khác thì khuyên nên giữ dân tị nạn trong các trại ở biên giới để ngăn cản xung đột lan rộng. Hiện thời, chưa đến 1% IDP Irắc sống trong trại. Các trại IDP gồm những lều quá đông người, không có nước để ăn uống, không có điện, thiếu tiện nghi vệ sinh, hay thiếu sự chăm sóc y tế.

Trại thường là một tai họa về cả phương diện nhân đạo và an ninh. Ferris giải thích rằng “người Irắc phản đối sống trong trại vì thiếu cuộc sống riêng tư, thiếu quan hệ gia đình gần gũi”. Trại thường được dựng ở những khu đất thiếu cơ sở hạ tầng vệ sinh. Dân sống trong các trại ở biên giới xa xôi và cần cỗi phải chịu đựng hoàn cảnh rất khó khăn, muốn tự kiếm sống nhưng không được, đành phụ thuộc cứu trợ nhân đạo. Tài trợ để duy trì các trại thường không đủ để chu cấp dân tị nạn tại nơi ở hiện thời.

¹ Ferris, “Security Displacement and Iraq”.

Nguy cơ về an ninh đe dọa các trại rất nhiều, vì dân sống ở đây thường dễ trở thành mục tiêu tấn công. Những người tuyệt vọng cũng có thể tham gia bạo lực chính trị, vì các trại được chia theo giáo phái. Trong một trại IDP ở Najaf, Tổ chức Quốc tế về Di cư nói rằng “thất nghiệp, trú ngụ quá đông, và ở lẫn lộn gây ra căng thẳng giữa những người sống tại đây”. Những cuộc khủng hoảng về tị nạn trước kia đã chứng tỏ có nhiều khó khăn trong việc bảo vệ trại tị nạn. Do chính phủ Irắc và quân đội Mỹ không có khả năng bảo vệ và giúp đỡ người tị nạn, nên dân sống ở đây rất dễ bị các nhóm vũ trang thao túng và lôi kéo vào hàng ngũ.

Trong hầu hết các cuộc khủng hoảng về tị nạn, cách giải quyết tốt nhất là tổ chức hồi hương yên ổn. Điều đó cũng đúng ở trường hợp Irắc. Tuy nhiên trong thời gian sắp tới, trở về đại quy mô chẳng phải là cách lựa chọn khả thi. Vì thế, các cơ quan viện trợ đề nghị tập trung vào tình hình nhân đạo và giảm bớt sức ép cho các nước tiếp nhận người tị nạn. Lợi ích va chạm nhau của các nước trong khu vực làm cho kế hoạch trở về gặp rắc rối. Việc ra những nguy cơ về kinh tế, chính trị, và an ninh do dân tị nạn gây nên. Gioocđani và Xi Ri yêu cầu họ trở về càng sớm càng tốt. Chính phủ Irắc lại có những thái độ trái ngược nhau về việc dân tị nạn trở về. Một mặt, chính phủ e ngại việc hồi hương ô ạt vì hoàn toàn chưa chuẩn bị đón người trở về, nhưng đành xúc tiến hồi hương, thậm chí khuyến khích chính phủ Xi Ri đưa ra những yêu cầu chặt chẽ hơn đối với người Irắc xin cấp thị thực, trong khi vẫn thiếu điều kiện quản lý một cuộc trở về yên ổn và tự nguyện. Tháng sáu năm 2008, chính phủ của Tổng thống Nouri al-Maliki cam kết chi 195 triệu đô-la cho việc hồi hương, một biện pháp mà Đại sứ James Foley của Mỹ cho rằng “đáng khen” nhưng “chỉ là phần nổi”.

Tuy số dân tị nạn tăng nhiều, nhưng theo thống kê thì cũng nhiều người tự

nguyện trở về cuối năm 2007. Trong một số trường hợp, như ở Anbar, dân tị nạn trở về lúc an ninh được cải thiện. Bộ Tị nạn và Di cư của Irắc cho biết số gia đình tị nạn trở về nhà cũ tăng lên trong năm 2007, với hơn 3.200 gia đình đăng ký trở về từ tháng một đến tháng mười. Tổ chức Quốc tế về Di cư nói hồi tháng ba năm 2008 rằng, 78.000 người Irắc tị nạn đã về nhà cũ, tuy nhiều người thấy nhà họ đã bị hủy hoại. Năm 2008, các cơ quan viện trợ nhận thấy số người trở về giảm đi. Một cuộc khảo sát của UNHCR cho biết, 70% số dân tị nạn Irắc từ Xi Ri về lại chạy quanh trong nước.

Kết luận

Hàng ngày, phương tiện truyền thông đại chúng vẫn đưa ra con số thống kê về dân cư di chuyển trong vùng. Dân tị nạn ở Xi Ri sẽ tiếp tục hủy hoại nền kinh tế nước này và tạo nên căng thẳng chính trị, các tổ chức vũ trang tiếp tục tuyển mộ lính mới từ những người chạy quanh trong nước chừng nào điều kiện sinh sống của IDP còn tồi tệ.

Vì cuộc khủng hoảng về tị nạn khó có thể được giải quyết nhanh chóng, nên người ta lo lắng về viễn cảnh làn sóng tị nạn tăng lên. Một khó khăn nữa đối với dân tị nạn Irắc là, cả Gioocđani và Xi Ri đều kiểm soát chặt chẽ biên giới để ngăn dòng người tị nạn tràn vào khi khủng hoảng tiếp diễn. Vì thế, giải pháp lý tưởng cho cuộc khủng hoảng là làm sao đưa được người tị nạn trở về nhà yên ổn.

Tài liệu tham khảo

- Gil Loescher and James Milner, *Protracted Refugee Situations: Domestic and International Security Implications*. Adelphi Paper, No.375 (London: Routledge, 2005).
- Reuter, *US Says Iraq Should Promote Refugees' Return*
- International Crisis Group, *Failed Responsibility: Iraqi Refugees in Syria, Jordan, and Lebanon*, Middle East Report No.77, July 10, 2008.